BỘ CÔNG THƯƠNG

Số: 1094 /QĐ-BCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2016

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
Số: 1022
ĐẾN Ngày: 31/3/16
Chuyển: ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định về quy trình, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt các dự án, đề án, nhiệm vụ triển khai Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2015 – 2020

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2015 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 10397/QĐ-BCT ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc thành lập Ban chỉ đạo liên ngành và Tổ chuyên gia giúp việc Ban chỉ đạo liên ngành thực hiện Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2015 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-BCT ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ban hành Quy chế làm việc của Ban chỉ đạo liên ngành và Tổ chuyên gia giúp việc Ban chỉ đạo liên ngành thực hiện Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2015 – 2020;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thương mại biên giới và miền núi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quy trình, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt các dự án, đề án, nhiệm vụ triển khai các hoạt động thuộc Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2015 – 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ Thương mại biên giới và miền núi, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và các thành viên Ban chỉ đạo liên ngành thực hiện Chương trình, Tổ chuyên gia giúp việc Ban chỉ đạo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ trưởng;
- Ban chỉ đạo liên ngành thực hiện Chương trình;
- Tổ chuyên gia giúp việc Ban chỉ đạo;
- Lưu: VT, BGMN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Cẩm Tú

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về quy trình, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt các dự án, đề án, nhiệm vụ triển khai Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2015 - 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1094/QĐ-BCT ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này bao gồm nguyên tắc, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt các dự án, đề án, nhiệm vụ thuộc Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2015 – 2020 (sau đây gọi tắt là Chương trình) theo quy định tại Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Quyết định số 964/QĐ-TTg).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thực hiện, thụ hưởng và quản lý các dự án, đề án, nhiệm vụ thuộc Chương trình quy định tại Quyết định số 964/QĐ-TTg.

Điều 3. Nguyên tắc lập dự án, đề án, nhiệm vụ triển khai Chương trình

1. Phù hợp với mục tiêu, phạm vi, đối tượng của Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2015 – 2020 theo Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Các dự án, đề án, nhiệm vụ phù hợp với các nội dung của Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2015-2020.

3. Đối với các dự án đầu tư xây dựng cơ bản và hạ tầng thương mại thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 4. Quy định về các nội dung cơ bản của dự án, đề án, nhiệm vụ thực hiện Chương trình

1. Các Đơn vị chủ trì xây dựng dự án, đề án, nhiệm vụ thực hiện Chương trình theo Quyết định số 964/QĐ-TTg bao gồm những nội dung cơ bản như sau:

a) Nêu rõ đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp, đơn vị thụ hưởng, địa điểm thực hiện;

b) Sự cần thiết và căn cứ của đề án, nhiệm vụ;

c) Mục tiêu cụ thể của đề án, nhiệm vụ cần đạt được;

d) Nêu rõ quy mô của đề án, nhiệm vụ, nội dung và tiến độ;

đ) Dự toán kinh phí chi tiết nguồn ngân sách và nguồn khác;

e) Tổ chức thực hiện: Nêu rõ phương án tổ chức thực hiện đề án, nhiệm vụ;

g) Hiệu quả của đề án, nhiệm vụ: Nêu rõ tác động đến việc phát triển thương mại khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo; tính bền vững, khả năng nhân rộng của đề án, nhiệm vụ sau khi đề án, nhiệm vụ kết thúc.

2. Các dự án, đề án, nhiệm vụ phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Phù hợp với các nội dung của Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

b) Bảo đảm tính khả thi về: phương thức triển khai; thời gian, tiến độ triển khai; nguồn nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất kỹ thuật;

c) Đối với các dự án, đề án nhiệm vụ mà quá trình thực hiện kéo dài qua 2 năm tài chính, Đơn vị chủ trì phải xây dựng nội dung và kinh phí cho từng năm.

Điều 5. Hội đồng thẩm định

1. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng thẩm định:

a) Đại diện Ban chỉ đạo liên ngành thực hiện Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2015 – 2020 (dưới đây gọi tắt là Ban chỉ đạo) theo Điều 1 Quyết định số 10397/QĐ-BCT ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

b) Đại diện Tổ chuyên gia giúp việc Ban chỉ đạo liên ngành thực hiện Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2015 – 2020 theo Điều 2 Quyết định số Quyết định số 10397/QĐ-BCT ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

c) Các chuyên gia có kinh nghiệm trong việc phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo và quản lý chi tiêu ngân sách nhà nước.

2. Hội đồng thẩm định có nhiệm vụ thẩm định cá dự án, đề án, nhiệm vụ của các Đơn vị chủ trì xây dựng theo phân công hàng năm.

3. Cơ chế hoạt động của Hội đồng thẩm định:

Hội đồng thẩm định được thành lập hàng năm theo từng hạng mục phân công do Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt hoặc Trưởng ban Chỉ đạo (nếu được ủy quyền) phê duyệt.

Điều 6. Trình tự xây dựng kế hoạch dự án, đề án, nhiệm vụ

1. Ban chỉ đạo phê duyệt và gửi thông báo công khai về định hướng và tiêu chí lựa chọn các dự án, đề án, nhiệm vụ triển khai Chương trình tới các tổ chức, đơn vị liên quan trước tháng 4 hàng năm.

2. Ban chỉ đạo tiếp nhận hồ sơ đăng ký các dự án, đề án, nhiệm vụ của các đơn vị thông qua Tổ chuyên gia giúp việc trước tháng 7 hàng năm.

3. Tổ chuyên gia giúp việc có trách nhiệm rà soát sơ bộ, tổng hợp hồ sơ xây dựng dự án, đề án, nhiệm vụ của các đơn vị căn cứ vào quy định tại Điều 3 Quy định này và bổ sung các dự án, đề án, nhiệm vụ (nếu có) để tổng hợp kế hoạch gửi Ban chỉ đạo xem xét.

4. Ban chỉ đạo sẽ tổng hợp kế hoạch dự án, đề án, nhiệm vụ hàng năm và chuyển cho Văn phòng Bộ và Vụ Tài chính (Bộ Công Thương) tổng hợp vào kế hoạch ngân sách chung của Bộ Công Thương gửi Bộ Tài chính tổng hợp theo quy định.

Điều 7. Trình tự thẩm định và phê duyệt dự án, đề án, nhiệm vụ

1. Sau khi có ý kiến thẩm định dự toán tài chính của Bộ Tài chính, Tổ chuyên gia giúp việc sẽ tiến hành rà soát, phân loại Hồ sơ xây dựng dự án, đề án, nhiệm vụ theo các hạng mục và đề xuất thành lập các Hội đồng thẩm định phù hợp với từng hạng mục đã phân loại.

2. Ban chỉ đạo rà soát danh sách hạng mục và Hội đồng thẩm định, trình Bộ trưởng Bộ Công Thương (hoặc Trưởng ban Ban chỉ đạo nếu được ủy quyền) ra Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định.

3. Tổ chuyên gia giúp việc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến Hội đồng thẩm định để tiến hành thẩm định các dự án, đề án, nhiệm vụ theo phân công với các nội dung cụ thể như sau:

a) Mức độ phù hợp của dự án, đề án, nhiệm vụ với các nguyên tắc được quy định tại Điều 2 Quy định này;

b) Mục tiêu, sự cần thiết và hiệu quả của dự án, đề án, nhiệm vụ; tính hợp lý về sử dụng kinh phí, nguồn lực và cơ sở vật chất, kỹ thuật khác;

c) Năng lực của đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp, đơn vị thụ hưởng;

d) Khả năng kết hợp, lồng ghép với các dự án, chương trình khác;

đ) Sự phù hợp và đầy đủ hồ sơ, tài liệu của dự án, đề án, nhiệm vụ.

4. Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định, Tổ chuyên gia giúp việc trình Ban chỉ đạo để xem xét, quyết định trên cơ sở cân đối nguồn kinh phí được giao.

5. Ban chỉ đạo trình Bộ trưởng Bộ Công Thương ra quyết định phê duyệt danh sách các dự án, đề án, nhiệm vụ.

Điều 8. Hồ sơ, thời gian đăng ký thực hiện dự án, đề án, nhiệm vụ

1. Hồ sơ gồm có:

a) Công văn đề nghị của đơn vị thực hiện.

b) Dự án, đề án, nhiệm vụ được lập theo các nguyên tắc, quy định tại Điều 3, Điều 4 của Quy định này.

c) Ban chỉ đạo quy định một số tài liệu liên quan bổ sung thêm để phục vụ công tác thẩm định.

2. Thời gian gửi hồ sơ đăng ký:

Hồ sơ đăng ký các dự án, đề án, nhiệm vụ của Chương trình theo Quyết định số 964/QĐ-TTg gửi về Vụ Thương mại biên giới và miền núi, Bộ Công Thương (Thường trực Ban chỉ đạo) trước ngày 15 tháng 5 hàng năm (trường hợp thay đổi thời gian sẽ theo hướng dẫn của Ban chỉ đạo).

Điều 9. Điều chỉnh, bổ sung và ngừng triển khai dự án, đề án, nhiệm vụ

1. Trong trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai các dự án, đề án, nhiệm vụ, đơn vị thực hiện phải có văn bản gửi Ban chỉ đạo, trong đó nêu rõ lý do điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng thực hiện dự án, đề án, nhiệm vụ.

2. Trên cơ sở đề nghị điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai dự án, đề án, nhiệm vụ của các đơn vị thực hiện, Ban chỉ đạo xem xét phê duyệt cụ thể như sau:

a) Ban chỉ đạo phê duyệt đối với đề nghị điều chỉnh: tăng tổng mức kinh phí hỗ trợ, thay đổi nội dung hoạt động, thời gian thực hiện dự án, đề án, nhiệm vụ; đề nghị bổ sung hoặc ngừng triển khai thực hiện dự án, đề án, nhiệm vụ.

b) Ban chỉ đạo phê duyệt các đề nghị điều chỉnh: thay đổi địa điểm, đơn vị thụ hưởng, đơn vị phối hợp, thời gian (trong năm tài chính) thực hiện dự án, đề án, nhiệm vụ; các điều chỉnh không làm thay đổi hoặc điều chỉnh giảm tổng mức kinh phí hỗ trợ từ nguồn kinh phí hỗ trợ và các điều chỉnh khác.

3. Đối với các dự án, đề án, nhiệm vụ có sai phạm trong quá trình tổ chức thực hiện hoặc không đáp ứng yêu cầu, Ban chỉ đạo xem xét quyết định ngừng thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương II
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của Ban chỉ đạo

1. Căn cứ quy mô, tính chất, mức kinh phí hỗ trợ, Ban chỉ đạo quyết định các dự án, đề án, nhiệm vụ được thực hiện thông qua Hội đồng thẩm định, nhằm bảo đảm kinh phí thực hiện Chương trình hiệu quả nhất.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện dự án, đề án, nhiệm vụ và quản lý, sử dụng kinh phí của dự án, đề án, nhiệm vụ.

3. Ban chỉ đạo quản lý, theo dõi về tình hình thực hiện dự án, đề án, nhiệm vụ, trình Bộ trưởng Bộ Công Thương báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

Điều 11. Trách nhiệm của Tổ chuyên gia giúp việc Ban chỉ đạo

1. Hướng dẫn các tổ chức, đơn vị xây dựng dự án, đề án, nhiệm vụ đăng ký theo Quy định này.

2. Tổ chuyên gia giúp việc Ban chỉ đạo tiếp nhận hồ sơ; rà soát, kiểm tra hồ sơ trước khi đưa ra Hội đồng thẩm định bảo đảm đúng đối tượng, đúng quy định.

3. Tham mưu giúp Ban chỉ đạo, trình quyết định thành lập Hội đồng thẩm định và các công tác thẩm định dự án, đề án, nhiệm vụ theo đúng quy trình.

4. Giúp Ban chỉ đạo về hồ sơ tài liệu để báo cáo hoặc trình các cấp có thẩm quyền liên quan đến những công việc thực hiện Quyết định số 964/QĐ-TTg.

5. Tổng hợp và giúp Ban chỉ đạo trình Bộ trưởng Bộ Công Thương những vấn đề liên quan đến công việc điều hành trong việc thực hiện dự án, đề án, nhiệm vụ.

6. Trình Ban chỉ đạo phê duyệt đối với những vấn đề liên quan đến quá trình thực hiện dự án, đề án, nhiệm vụ.

7. Chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tài liệu, chứng từ kế toán của dự án, đề án, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Trách nhiệm của đơn vị thực hiện

1. Lập hồ sơ dự án, đề án, nhiệm vụ và dự toán chi tiết kinh phí thực hiện dự án, đề án, nhiệm vụ theo quy định. Bảo đảm và chịu trách nhiệm pháp lý về tính chính xác, trung thực và đầy đủ các thông tin trong hồ sơ, tài liệu đã cung cấp cho cơ quan quản lý trong xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và thanh quyết toán các dự án, đề án, nhiệm vụ; các loại báo cáo và các văn bản có liên quan khác trong quá trình thực hiện dự án, đề án, nhiệm vụ.

2. Tổ chức thực hiện dự án, đề án, nhiệm vụ sử dụng kinh phí đúng dự toán, bảo đảm hiệu quả và đúng các quy định hiện hành.

3. Trách nhiệm tổng hợp báo cáo:

a) Các đơn vị thực hiện dự án, đề án, nhiệm vụ hàng tháng lập báo cáo tiến độ thực hiện gửi về Ban chỉ đạo.

b) Khi kết thúc thực hiện dự án, đề án, nhiệm vụ, đơn vị được giao thực hiện dự án, đề án, nhiệm vụ bàn giao sản phẩm, lập báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện dự án, đề án, nhiệm vụ, báo cáo khối lượng hoàn thành và kinh phí thực hiện hợp đồng (kèm hồ sơ khi thanh lý, quyết toán hợp đồng).

c) Thực hiện báo cáo đột xuất, báo cáo phục vụ kiểm tra, thanh tra theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

5. Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan có thẩm quyền trong việc kiểm tra, đánh giá, giám sát việc thực hiện dự án, đề án, nhiệm vụ và việc sử dụng kinh phí.

6. Chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tài liệu, chứng từ kế toán của dự án, đề án, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

7. Có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến quá trình thực hiện dự án, đề án, nhiệm vụ của Chương trình./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Cẩm Tú